

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2019

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình – Ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**.
2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 685/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2019 của Tòa án huyện Cao Lãnh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 974, ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1972 (**Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976).

HKTT: Ấp T, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 974, ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị G (H) chung sống với nhau vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Khoảng 03 năm nay thì tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị G (H) không còn, bất đồng quan điểm sống, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm nhau nữa. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G (H).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004, hiện con chung Nguyễn Anh H1 đang sống với chị G (H), con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Anh H1, không yêu cầu chị G (H) cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 27/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thanh H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G (H).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004, hiện con chung Nguyễn Anh H1 đang sống với chị G (H), con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh H đồng ý cho chị G (H) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Anh H1, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn Nguyễn Thị G (H) trình bày:*

Họ tên trong Giấy khai sinh của chị và Sổ hộ khẩu, chị họ tên đầy đủ là Nguyễn Thị Giao, sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú đăng ký tại ấp T, xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; chỗ ở hiện nay của chị là ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, khi đăng ký giấy khai sinh cho con tên Nguyễn Anh H1, anh H lại khai họ tên mẹ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 là do anh H không nhớ. Tên Nguyễn Thị H là tên thường gọi ở ngoài xã hội của chị, chị G (H) khẳng định người tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1972 và Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 là cùng một người.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G (H) thừa nhận vợ chồng sống chung với nhau từ năm 1990 và không có đăng ký kết hôn như anh H trình bày. Vợ chồng sống chung do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn với nhau là có thật. Nay, vợ chồng không xây dựng được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không ai có ý định hàn gắn tình cảm nên chị G (H) đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004, hiện con chung Nguyễn Anh H1 đang sống với chị G (H). Khi ly hôn, chị G (H) yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng

con chung tên Nguyễn Anh H1, chị G (H) yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật. Con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với chị Nguyễn Thị G (H). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 là cùng một người đã được Công an xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xác nhận. Chị Nguyễn Thị G (H) là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Số 974, ấp 1, xã P, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh H và chị G (H) chung sống với nhau vào năm 1990, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh H và chị G (H) có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, giữa anh H và chị G (H) đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh H yêu cầu ly hôn. Tuy, anh H và chị G (H) thống nhất thuận tình ly hôn, nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị G (H) là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Về con chung: Anh H và chị G (H) thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004, hiện con chung Nguyễn Anh H1 đang sống với chị G (H), con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn khởi kiện anh H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Anh H1, không yêu cầu chị G (H) cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại Biên bản hòa giải ngày 27/02/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Khi ly hôn, anh H đồng ý cho chị G (H) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Anh H1, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự thay đổi này là hoàn toàn do anh H tự nguyện, không vi

phạm điều cấm của pháp luật và không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời, tại văn bản tự khai của Nguyễn Anh H1 thì H1 có nguyện vọng được sống với chị G (H) và chị G (H) có yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Anh H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, về con chung Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị G (H) như sau:

Chị Nguyễn Thị G (H) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004. Anh Nguyễn Thanh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm tương ứng với thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 đến khi con chung Nguyễn Anh H1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị G (H) có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Riêng, con chung Nguyễn Thị T đã trưởng thành, anh H và chị G (H) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H và chị G (H) thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về nợ chung: Anh H và chị G (H) thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị G (H) là vợ chồng.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh H và chị G (H) như sau:

Chị Nguyễn Thị G (H) được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Anh H1, sinh ngày 04/10/2004. Anh Nguyễn Thanh H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền bằng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở tại từng thời điểm tương ứng với thời gian thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2019 đến khi con chung Nguyễn Anh H1 đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh H và chị Nguyễn Thị G (H) có trách nhiệm trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Riêng, con chung Nguyễn Thị Tím đã trưởng thành, anh H và chị G (H) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh H và chị G (H) thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về nợ chung: Anh H và chị G (H) thống nhất không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng anh Nguyễn Thanh H phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo Biên lai số BH/2017/0006034 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, anh H còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS Huyện + Tỉnh;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi Cục THADS Huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Tinh

